TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1093/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-10-2020.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Không tham gia phiên toà.

Trong ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1318/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 495/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn O, sinh năm: 1969; địa chỉ: 19 đường số 35, tổ 2, khu phố A, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Mộng H, sinh năm: 1974; địa chỉ: 19 đường số 35, tổ 2, khu phố A, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 19 tháng 9 năm 2019 cùng các biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Trần Văn O trình bày ông và bà Trần Thị Mộng H tự nguyện sống chung từ năm 1996, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 10/01/1996. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc.

Mâu thuẫn bắt đầu phát sinh từ thừi điểm ông phát bệnh mà không có tiền chữa bệnh. Ông có đề nghị bà H bán 01 phần đất để lấy tiền chữa bệnh nhưng bà H không đồng ý, từ đó bất đồng nhau, thường xuyên cãi vã, thậm chí có lúc còn không nhìn mặt nhau. Cuộc sống ngày càng nặng nề, mặc dù vẫn còn sống cùng một mái nhà nhưng hầu như không ai quan tâm đến ai. Ông nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bất hòa từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, căng thẳng liên tục, mệt mỏi đến mức không muốn đoàn tụ vợ chồng. Ông nhận thấy ông và

bà H không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Đã thành niên.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 09/9/2019 cùng các biên bản hòa giải, bị đơn bà Trần Thị Mộng H xác định bà và ông Trần Văn O tự nguyện sống chung từ năm 1994, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, bà đã cố gắng gìn giữ cho gia đình trong ấm ngoài êm, nhưng ông O không lo kinh tế gia đình mà chỉ biết cờ bạc, quậy phá tài sản trong gia đình và bạo lực với vợ con. Bà một tay lo cho chồng con, lo cho gia đình. Ông O thường xuyên quậy phá , làm cho kinh tế gia đình ngày càng đi xuống. Khi ông O đỗ bệnh, bà cùng con chăm sóc, đến khi khỏi bệnh thì lại tiếp tục cờ bạc, gây nợ nần. Bà nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với ông O, nên đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Đã thành niên.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà không đồng ý ly hôn với ông O, lý do hiện tại ông O đang bệnh, bà mong muốn tiếp tục sống chung để chăm sóc ông O.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn nộp ngày 19 tháng 9 năm 2019, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là bà Trần Thị Mộng H có nơi cư trú tại khu phố A, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bị đơn không đồng ý ly hôn với lý do hiện tại ông O đang bệnh, bà mong muốn tiếp tục sống chung để chăm sóc ông O.

Bà Ông Trần Văn O và bà Trần Thị Mộng H tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận số: 62 ngày 10/01/1996, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra từ năm 2017. Theo các đương sự trình bày, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do cả hai bên không thống nhất nhau về kinh tế gia đình, gây áp lực

cho nhau. Ông O cho rằng trong lúc ông đau ốm, bà H không đồng ý bán tài sản để đưa tiền ông chữa trị, làm cho tình trạng sức khỏe của ông giảm sút, dẫn tới việc cả hai thường xuyên cãi vã, thậm chí có lúc còn không nhìn mặt nhau. Cuộc sống ngày càng nặng nề, mặc dù vẫn còn sống cùng một mái nhà nhưng hầu như không ai quan tâm đến ai. Bà H cho rằng ông O ham mê cờ bạc, làm ảnh hưởng trầm trọng đến khi tế gia đình, đồng thời ông O thường xuyên đánh đập bà, xúc phạm bà.

Ngày 12/11/2019, Tòa án đã tiến hành lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành các vấn đề có tranh chấp trong vụ án do các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

"*Về quan hệ vợ chồng: Ông Trần Văn O và bà Trần Thị Mộng H thuận tình ly hôn.*

Về nuôi con chung: Đã thành niên.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có."

Tuy nhiên, đến ngày 12/11/2019, bà H có đơn thay đổi ý kiến. Tại đơn thay đổi ý kiến, bà H yêu cầu được chia tài sản rõ ràng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong vụ kiện, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông O và bà H là có xảy ra, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự đều trình bày những bất đồng nhau trong cuộc sống vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử xác định các bên không có tiếng nói chung, không có sự tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, nghĩa vụ của các bên trong quan hệ vợ chồng là phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Lời trình bày của bị đơn tại Tòa là không có cơ sở, bởi lẽ, tại bản tự khai ngày 09/9/2019 và tại đơn thay đổi ý kiến ngày 12/11/2019 thể hiện bà muốn chia tài sản chung, không mong muốn đoàn tụ.

Từ phân tích trên, xét thấy đời sống chung của ông O và bà H không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn là có cơ sở.

Về nuôi con chung: Đã thành niên.

Xét về chia tài sản chung, về nghĩa vụ dân sự chung, các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Văn O.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Trần Văn O và bà Trần Thị Mộng H.

(Quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn O và bà Trần Thị Mộng H được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 62 ngày 10/01/1996 do Uỷ ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp).

2. Về nuôi con chung: Đã thành niên.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc ông Trần Văn O phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0022885 ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông O đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND Thị Trấn C, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thơ